

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 682/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 11/5/2021

V/v Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Ngọc Thực

2/ Ông Nguyễn Thành Châu

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Võ Thị Thoa – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 11 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 383/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1768/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Kim Nguyễn Thụy H, sinh năm 1981 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Khu dân cư H, phường H, quận T, Thành phố H.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân H, sinh năm 1979 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Quốc tịch: Việt Nam

Địa chỉ: 126 Calam Road, Sunnybank Hills, Queensland, Australia.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn (để nhận giấy tờ liên quan đến vụ án, bản án, quyết định của Tòa án): Ông Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1977 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: phường H, quận T, Thành phố H.

(Theo giấy ủy quyền ngày 23/12/2020, được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 04/01/2021).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H trình bày:

Bà và ông Nguyễn Xuân H tự nguyện kết hôn vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011 quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2011.

Sau khi kết hôn, bà và ông Nguyễn Xuân H sinh sống tại Việt Nam, một thời gian sau do tính chất công việc nên bà đi sang Úc làm nghiên cứu sinh và ông Nguyễn Xuân H cũng cùng đi với bà theo diện phụ thuộc. Từ năm 2011 đến năm 2017 bà và ông Nguyễn Xuân H chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 bà quay trở về Việt Nam sinh sống và làm việc nhưng ông H không cùng bà quay về mà ở lại sinh sống tại Úc. Do thời gian khác biệt và khoảng cách địa lý nên hai bên ít liên lạc với nhau, không có nhiều thời gian để quan tâm chăm sóc nhau và cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, bà và ông H cũng đã cùng nhau nói chuyện để giải quyết tình trạng này nhưng do ông H không muốn về Việt Nam sinh sống còn bà không muốn sang Úc nên hai bên thường xảy ra những mâu thuẫn bất đồng không thể giải quyết được.

Bà và ông Nguyễn Xuân H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, nhận thấy không còn tình cảm với ông Nguyễn Xuân H, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Nguyễn Xuân H có 01 con chung tên Nguyễn Thành Tâm George (nam), sinh ngày 21/12/2013 hiện nay đang ở với bà tại Việt Nam, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và không yêu cầu ông Nguyễn Xuân H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung : Không có

Bị đơn ông Nguyễn Xuân H trình bày tại các bản tự khai ngày 23/12/2020 và ngày 11/3/2021 được Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại Sydney, Australia chứng nhận hợp pháp hóa lãnh sự ngày 04/01/2021 và ngày 12/3/2021 có nội dung như sau: Ông và bà Đào Kim Nguyễn Thụy H tự nguyện kết hôn vào năm 2011 theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2011.

Về quá trình chung sống và mâu thuẫn vợ chồng ông thống nhất như trình bày của bà Đào Kim Nguyễn Thụy H. Ông và bà Đào Kim Nguyễn Thụy H đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, cả hai bên đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông được biết bà Đào Kim Nguyễn Thụy H đang yêu cầu ly hôn với ông tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Đối với yêu cầu của bà H ông có ý kiến như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Đào Kim Nguyễn Thụy H.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Thành Tâm George (nam), sinh ngày 21/12/2013 hiện nay đang ở tại Việt Nam với bà H, sau khi ly hôn ông đồng ý để bà H tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Ông không cấp dưỡng nuôi con, trường hợp có yêu cầu cấp dưỡng thì hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung : Không có

Tại phiên tòa sơ thẩm : Nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H, bị đơn ông Nguyễn Xuân H đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án :

Nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam có đơn xin ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Xuân H đang cư trú tại Australia, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 ; Điều 38 ; Điều 40; Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 123 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ các bên tham gia phiên tòa, nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H, bị đơn ông Nguyễn Xuân H đều có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ quy định tại Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Bà Đào Kim Nguyễn Thụy H, bị đơn ông Nguyễn Xuân H có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 70/2011, quyển số 01/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 19, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/7/2011. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa đôi bên là hợp pháp.

Theo lời khai của đôi bên thì sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc bình thường. Một thời gian sau do tính chất công việc nên bà H đi sang Australia làm nghiên cứu sinh và ông H cũng cùng đi với bà H theo diện phụ thuộc. Từ năm 2011 đến năm 2017 hai bên chung sống với nhau hạnh phúc. Đến đầu năm 2017 bà H quay trở về Việt Nam sinh sống và làm việc còn ông H ở lại sinh sống tại Australia. Do thời gian khác biệt và khoảng cách địa lý nên hai bên ít liên lạc với nhau, không có nhiều thời gian để quan tâm chăm sóc nhau và cùng nhau vun vén hạnh phúc gia đình nên tình cảm vợ chồng phai nhạt, hai bên cũng đã cùng nhau nói chuyện đề giải quyết tình trạng này nhưng không thể giải quyết được, thực tế cả hai đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, nay hai bên nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H. Ý kiến của ông Nguyễn Xuân H cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Xét thấy, vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng và cùng có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, đây cũng là mục đích của hôn nhân. Thực tế vợ chồng ông H, bà H đã không còn chung sống với nhau từ năm 2017 đến nay. Do

điều kiện địa lý xa cách và vợ chồng không thống nhất được với nhau về nơi ở chung dẫn đến mâu thuẫn, bất đồng kéo dài, tình cảm phai nhạt, cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông H đồng ý thuận tình ly hôn. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H và ông H là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung : Bà H và ông H thống nhất có 01 con chung tên Nguyễn Thành Tâm George (nam), sinh ngày 21/12/2013 hiện nay đang ở tại Việt Nam với bà H, sau khi ly hôn ông H đồng ý giao con chung cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng, bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Ngày 18/01/2021 trẻ Nguyễn Thành Tâm George có văn bản trình bày nguyện vọng được sống với mẹ tại Việt Nam, phù hợp với thỏa thuận trên của cha mẹ và không trái đạo đức xã hội, không trái pháp luật vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về tài sản chung: Bà H và ông H yêu cầu được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Về nợ chung: Bà H và ông H xác định không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 đồng nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà H và ông H được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 38; Điều 40; Điều 147; Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273; Điều 469; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 ; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016.UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ luật Thi hành án dân sự 2008 đã sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử :

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Đào Kim Nguyễn Thụy H được ly hôn với ông Nguyễn Xuân H.

2/ Về con chung : Giao con chung là Nguyễn Thành Tâm George (nam), sinh ngày 21/12/2013 cho mẹ là bà Đào Kim Nguyễn Thụy H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà H không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ này; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được pháp luật quy định, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có

5/ Án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đào Kim Nguyễn Thụy H phải chịu nhưng được khấu trừ vào số tiền bà Đào Kim Nguyễn Thụy H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2019/0092990 ngày 06/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đào Kim Nguyễn Thụy H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn bà Đào Kim Nguyễn Thụy H và bị đơn ông Nguyễn Xuân H; bà Đào Kim Nguyễn Thụy H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ. Ông Nguyễn Xuân H được quyền kháng cáo trong hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND Phường 19, quận Bình Thạnh, TP.HCM;
- Đường sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thu Phương

